

MỤC LỤC

Phần I

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG

NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN

CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC 1

MỞ ĐẦU..... 1

I. Thực trạng của công tác quản lý môi trường Nông thôn thông qua các quy định trong các văn bản pháp quy nhà nước 2

1. Kế hoạch Quốc gia về môi trường và phát triển lâu bền (1991-2000) 3

2. Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam (năm 1994)..... 5

3. Chỉ thị 36 – CT/TW của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương về..... 6

4. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 7

5. Định hướng chiến lược để tiến tới Phát triển Bền vững (Chương trình nghị sự của Việt Nam)..... 8

II. Đánh giá công tác Quản lý Môi trường Nông thôn Việt Nam 14

1. Đánh giá về công tác Quản lý thông qua các văn bản mang tính chất pháp luật, thể chế 14

2. Đánh giá về mặt phổ biến, học tập các chủ trương chính sách và luật pháp về BVMT nông thôn và nâng cao nhận thức 15

3. Đánh giá về công tác triển khai các chủ trương, chính sách, luật pháp phục vụ công tác Quản lý Môi trường ở Nông thôn..... 15

III. Phát triển Bền vững Môi trường Nông thôn Việt Nam trong giai đoạn Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 16

Phần II

PHONG TRÀO QUÂN CHÚNG THAM GIA

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

QUA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN..... 20

I. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh..... 20

II. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.....	22
1. Nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam về Bảo Vệ Môi Trường	22
2. Các hoạt động của Hội.....	23
3. Kết quả công tác truyền thông nâng cao nhận thức thay đổi hành vi Bảo vệ Môi trường cho phụ nữ.....	23
4. Các loại mô hình vừa phát triển kinh tế gia đình vừa Bảo vệ Môi trường do Hội Phụ nữ vận động thực hiện	23
III. Hội Nông Dân Việt Nam	24
1. Mục tiêu.....	24
2. Các giải pháp tổ chức thực hiện.....	25
3. Kết quả triển khai xây dựng mô hình ở một số địa phương.....	27
Phần III	
MỘT SỐ MÔ HÌNH TIÊU BIỂU NHÂN DÂN THAM GIA CÔNG TÁC	
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN	
1. Các đợt tình nguyện xanh Bảo vệ Môi trường ở tỉnh Thừa Thiên Huế..	33
2. Câu lạc bộ thanh niên thực hiện nước sạch và vệ sinh môi trường xã Giao Hải, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.....	35
3. Hợp tác xã vệ sinh Môi trường Chí Linh thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương	36
4. Làng chế biến rác – Làng Minh Khai thị trấn Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	37
5. Hợp tác xã vệ sinh Môi trường xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.....	38
6. Phong trào xây dựng Làng văn hoá xanh – sạch - đẹp ở huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	40
7. Xây dựng và thực hiện “Hương ước xanh” ở Thừa Thiên Huế.....	42
8. Làng sinh thái – mô hình cộng đồng Bảo vệ Môi trường	43

Phụ Lục

CÁC TÁC PHẨM DO NÔNG DÂN SÁNG TÁC THAM GIA HỘI THI
TUYÊN TRUYỀN VIÊN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DO HỘI NÔNG DÂN
TỈNH BẮC NINH TỔ CHỨC NĂM 2002 45

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ PHONG TRÀO
QUẦN CHÚNG THAM GIA BVMT NÔNG THÔN TRONG
GIAI ĐOẠN CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

Phần I

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN
CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

MỞ ĐẦU:

Quản lý và phát triển Môi trường Nông thôn Việt Nam trong giai đoạn Công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước thật sự là công việc hết sức quan trọng và vô cùng khó khăn. Nếu thực hiện được việc này thì sự nghiệp Bảo Vệ Môi Trường (BVMT) và phát triển bền vững của Nước ta được coi như là cơ bản.

Thực sự như vậy, đây là hai nhiệm vụ nhưng rất gắn kết với nhau. Quản lý để phát triển; phát triển để quản lý tốt hơn, nhằm nâng cao cuộc sống bền vững cho Nông thôn. Quản lý trên cơ sở các Luật pháp, Chính sách, Chủ trương của Chính phủ; Phát triển trên cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và Bảo vệ Môi trường ở Nông thôn.

Khái niệm về Quản lý Môi trường hay còn gọi là quản lý hành chính về Môi trường, có thể được hiểu như sau:

Khái niệm về hành chính

- Hành: Điều hành hoạt động, thực hiện.
- Chính: Tổ chức, chính sách, luật pháp.

Vì vậy, Hành Chính trước hết là tổ chức hệ thống quản lý (chủ thể) và hệ thống các đối tượng được quản lý (khách thể) dựa trên cơ sở những quy định của pháp luật.

Hành chính còn có nghĩa là điều hành bộ máy nhằm thực hiện quyền hành pháp.

Vì vậy Quản lý hành chính về Môi trường có thể được hiểu rằng: Tổ chức ra các hệ thống quản lý từ Trung ương cho đến Địa phương (xã, phường, thôn, xóm bản ấp...), điều hành các hoạt động, các nhiệm vụ và các hệ thống thực hiện, triển khai các nội dung, nhiệm vụ mà đã được luật pháp, chính sách, thể chế và các văn bản pháp quy quy định.

I. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN THÔNG QUA CÁC QUY ĐỊNH TRONG CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY NHÀ NƯỚC

Nông thôn Việt Nam rộng lớn có diện tích chiếm khoảng 98% lãnh thổ với trên 60 triệu người, vì vậy Môi trường nông thôn Việt nam được đặt ra là hết sức quan trọng. Môi trường nông thôn có thể nói là rất nhiều và rất nhiều những vấn đề bức xúc và cấp bách, tuy nhiên trong khuôn khổ của chuyên đề này chúng tôi chỉ đề cập đến năm vấn đề quan trọng và rất cơ bản đó là:

- Việc quy hoạch và sử dụng tài nguyên Đất đai liên quan đến canh tác Nông nghiệp bền vững.
- Việc quản lý các lưu vực sông và vấn đề cung cấp nước sạch - vệ sinh môi trường nông thôn.
- Vấn đề bảo vệ tài nguyên Rừng trồng rừng - liên quan đến xói mòn và lũ lụt.
- Vấn đề ổn định dân số, di dân và phát triển bền vững.
- Và cuối cùng là vấn đề rác thải ở Nông thôn hiện nay.

Đây là 5 vấn đề cơ bản nhất nó liên quan rất nhiều đến các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Việt Nam.

Những vấn đề môi trường nông thôn trên đây đã được nêu lên nhiều lần trong những văn bản có tính chiến lược, những định hướng cơ bản trong công tác BVMT ở Việt Nam mà Đảng và Chính phủ đã ban hành có liên quan nhiều đến công tác quản lý môi trường nông thôn. Chúng tôi xin nêu ra những văn bản quan trọng nhất:

1. Kế hoạch Quốc gia về môi trường và phát triển lâu bền (1991-2000)

Bản kế hoạch này đã được Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng (nay là Thủ Tướng Chính Phủ) Võ Văn Kiệt phê duyệt ngày 12/6-1991 trong đó có liên quan đến một loạt các vấn đề quản lý môi trường nông thôn đó là:

Quản lý về Dân số:

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình ổn định dân số, đặc biệt ở các vùng Trung Du (Nông thôn).
- củng cố chính sách dân số bằng các chính sách của các Ngành, đặc biệt đối với các vùng nông thôn.

Đối với quản lý sản xuất Nông nghiệp:

- Khuyến khích tăng năng suất nông nghiệp thông qua việc thực hiện đúng đắn cơ chế về kinh tế thị trường và các cải cách khác như làm tăng tối đa lợi ích Đa Vụ, khuyến khích Nông dân và giảm tối đa tổn thất sau thu hoạch.
- Phát triển và đẩy mạnh các hệ thống canh tác bền vững ở các vùng sườn đồi. Các hoạt động cần nhằm vào vấn đề Nông – Lâm kết hợp.
- Canh tác nông nghiệp phải thực hiện kiểm soát các hoá chất nông nghiệp phổ biến rộng rãi canh tác hữu cơ.
- Ưu tiên các công trình nghiên cứu và triển khai liên quan đến các hệ thống Nông – Lâm kết hợp và có tính đến việc bố trí lại những người Du canh từ vùng núi cao xuống.

VỀ QUẢN LÝ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỀ LÂM NGHIỆP

- Cần có một chương trình mạnh mẽ về tái trồng rừng.
- Thu hút nhân dân địa phương, không phân biệt già trẻ gái trai vào các hoạt động này như là những Dự án tao công ăn việc làm và tăng thu nhập cho Nông thôn.
- Giảm sức ép về khai thác Rừng (gỗ và củi đốt).
- Thực hiện những chương trình mạnh mẽ về bảo vệ diện tích Rừng và đặc biệt là các vùng Rừng được coi là các khu dự trữ.
- Tăng cường các biện pháp nhằm kiểm soát cháy rừng và sâu bệnh thi hành nghiêm ngặt hơn các quy chế về Rừng.
- Đẩy mạnh Nông – Lâm kết hợp như là một phần của Chương trình Hỗn hợp giữa những người làm Nông nghiệp và Lâm nghiệp.
- Đánh giá tổng quan toàn bộ các chính sách và luật pháp về Rừng để xác định xem liệu các Điều lệ và quy chế hiện hành có được thi hành không?
- Cấm khai thác gỗ thương mại với quy mô lớn ở những diện tích Rừng tự nhiên còn lại. Việc cấm này rất cần thiết cả cho việc Bảo vệ Lưu Vực lẫn bảo vệ môi trường sinh sống cho sinh vật.
- Tiến hành điều tra tỉ mỉ các cơ sở tài nguyên Rừng
- Giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ Rừng.
- Triển khai các chương trình nhằm trợ giúp cho người dân đẩy mạnh buôn bán và phân phối các sản phẩm có liên quan đến Rừng. Chú trọng đến các sản phẩm do chính những người dân địa phương làm ra (trồng ra).

VỀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

- Ưu tiên cao việc quản lý Tổng hợp Lưu vực.
- Xây dựng các tiêu chuẩn về ô nhiễm nước và kiểm soát các chất thải công nghiệp, quản lý sâu bệnh tổng hợp trong Nông nghiệp.
- Việc quản lý tổng hợp lưu vực phải nhằm vào việc sử dụng đa mục đích về Tài nguyên nước như kiểm soát xói mòn đất, khôi phục Rừng ở quy mô lớn, lập kế hoạch về sử dụng Đất và phân bố dân cư, kiểm soát lũ lụt.
- Thâm canh sản xuất Nông nghiệp ở những nơi thích hợp cho việc sử dụng đất lâu dài.

- Bảo vệ các lưu vực hiện đang còn Rừng và khôi phục các khu vực đã bị mất Rừng đòi hỏi phải có một hệ thống các khu bảo vệ, cưỡng chế thi hành các quy định về Lâm nghiệp.
- Triển khai các phương án về việc làm phi công nghiệp cho nhân dân Địa phương (cho Nông dân).

QUẢN LÝ VEN BIỂN

- Việc quản lý bền vững vùng ven biển phải nhằm vào việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên Thủy sản, phân vùng sử dụng đất ven bờ, ổn định bãi biển bằng cách phủ xanh.
- Hoạt động đánh bắt lâu bền phải được dựa trên phương pháp đánh bắt đúng đắn về môi trường. Chấm dứt các phương pháp đánh bắt hủy diệt.
- Đẩy mạnh nuôi trồng Thủy sản ven bờ với điều kiện không được phá hủy rừng ngập mặn
- Bảo vệ và khôi phục các rừng ngập mặn, cửa sông, Đầm phá và các ám tiêu san hô.

Vấn đề Quản lý và Kiểm soát ô nhiễm (Liên quan đến Nông nghiệp và Nông thôn):

- Phải rất chú ý (quan tâm) đến việc giảm chất thải, tái sử dụng và quay vòng chất thải trong kiểm soát ô nhiễm. Cần có chiến lược giải quyết chất thải từ các Hộ gia đình, từ Công nghiệp và Nông nghiệp.
- Khuyến khích sử dụng phân Hữu cơ để giảm ô nhiễm trong Nông nghiệp, hạn chế sử dụng phân Hoá học và thuốc trừ sâu. áp dụng hệ thống quản lý tổng hợp sâu bệnh, tăng tối đa trồng xen vụ, sử dụng thuốc trừ sâu gốc tự nhiên và các phương pháp kiểm soát sâu bệnh truyền thống khác.

Đối với Quản lý Các Vườn Quốc gia và Các khu bảo tồn

- Thu hút nhân dân Địa phương vào giai đoạn thiết kế và lập kế hoạch, đảm bảo những lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho nhân dân Địa phương thông qua việc thành lập các Khu Dự trữ (Khu bảo tồn).
- Xây dựng các quy chế về săn bắn, bao gồm cả việc cấm hoàn toàn săn bắn ở những vùng nguy cấp. Cần thi hành các biện pháp để kiểm soát việc buôn bán các loài bị đe dọa nguy hiểm (tuyệt chủng).

VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

- Cơ quan quản lý môi trường Trung ương cần phải được trợ giúp của một mạng lưới được tổ chức liên kết chặt chẽ ở các cấp Vùng, Tỉnh, Huyện và Xã.

Trên đây là những nội dung liên quan đến việc Quản lý Môi trường Nông thôn mà đã được đưa ra trong “Kế hoạch Quốc gia về Môi trường và Phát triển lâu bền của Việt Nam (1991-2000) mà Chủ tịch Hội Đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và ban hành ngày 12/6-1991.

2. Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam (năm 1994)

Luật Bảo Vệ Môi Trường (Việt Nam) có 7 Chương với 55 Điều trong đó có các Điều 6, 12, 14, và 15 liên quan nhiều đến công tác Quản lý Môi trường Nông thôn, cụ thể là:

Điều 6 (Luật BVMT) đã quy định:

Bảo vệ Môi trường là sự nghiệp của Toàn Dân. Tổ chức cá nhân phải có trách nhiệm BVMT, thi hành pháp luật về BVMT, có quyền và trách nhiệm phát hiện, tố cáo hành vi phạm pháp luật về BVMT. Như vậy, BVMT là sự nghiệp của Toàn Dân trong đó có tới gần 80% Dân số là Nông dân (chiếm trên 60 triệu người).

Điều 12:

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ các giống, loài thực vật, động vật hoang dã, bảo vệ tính Đa dạng sinh học, bảo vệ Rừng, Biển và các hệ sinh thái.

Điều 14:

Việc khai thác Đất Nông nghiệp, đất Lâm Nghiệp đất sử dụng vào mục đích nuôi trồng Thủy sản phải tuân theo quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch cải tạo đất, bảo đảm cân bằng sinh thái. Việc sử dụng chất hoá học, phân hoá học, thuốc Bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học khác phải tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 15:

Tổ chức, cá nhân phải Bảo Vệ Nguồn Nước hệ thống cấp nước, thoát nước, cây xanh, công trình vệ sinh thực hiện các quy định về vệ sinh công cộng ở Đô thị, Nông thôn, Khu dân cư, Khu Du lịch, Khu sản xuất.

3. Chỉ thị 36 – CT/TW của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương về

Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hoá Đất nước (Năm 1998). Đây là chỉ thị hết sức quan trọng trong công tác quản lý Môi trường nói chung và Môi trường Nông thôn nói riêng. Trong chỉ thị có những **giải pháp cụ thể**, giúp cho công tác quản lý và nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc Bảo vệ Môi trường nông thôn đó là:

Giải pháp số 1: Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, xây dựng thói quen, nếp sống và các phong trào quần chúng BVMT

- Tạo điều kiện và khuyến khích để người dân thường xuyên nhận được các thông tin về Môi trường như một biện pháp cơ bản BVMT.
- Động viên, hướng dẫn nhân dân thực hiện nếp sống sạch, hợp vệ sinh, giữ gìn vệ sinh công cộng.
- Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào quần chúng BVMT như phong trào Xanh – Sạch - Đẹp, Vườn – Ao – Chuồng (VAC), Vườn – Ao – Chuồng – Rừng (VACR), tuân lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, gia đình văn hoá, vệ sinh tốt...

Giải pháp số 4: Khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ Đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên

- Nhanh chóng chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản bừa bãi gây lãng phí tài nguyên, huỷ hoại Rừng, suy thoái Đất và ô nhiễm Môi trường.
- Chấm dứt ngay việc sử dụng các biện pháp có tính huỷ diệt cao (như điện, xung điện, chất nổ, chất đốt ...) để khai thác các nguồn lợi Thủy, Hải sản.
- Tăng cường các biện pháp quản lý tổng hợp các nguồn nước theo lưu vực sông, khẩn trương nghiên cứu các phương án đối phó với nguy cơ thiếu nước trong những năm tới.

4. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược BVMT

Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

(Những nội dung liên quan đến công tác quản lý Môi trường Nông thôn)

- Bảo vệ Môi trường là nhiệm vụ của toàn xã hội, của các cấp các Ngành, các Tổ chức, Cộng đồng và của mọi người dân.
- Bảo vệ Môi trường phải dựa trên cơ sở tăng cường công tác **quản lý**, thể chế và luật pháp đi đôi với việc nâng cao nhận thức của cộng đồng.

Định hướng lớn đến năm 2020:

- 100% Dân số đô thị và 95% Dân số Nông thôn phải được sử dụng Nước sạch.
- Nâng tỷ lệ Rừng che phủ đạt 48% Tổng diện tích tự nhiên của cả nước.

Mục tiêu đến năm 2010:

Mục tiêu tổng quát: Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường, giải quyết một bước cơ bản về tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc ở các thành phố lớn và các vùng nông thôn, cải tạo và xử lý ô nhiễm môi trường trên các giòng sông, ao, hồ, kênh mương.

Mục tiêu cụ thể:

- 30% hộ gia đình phân loại rác thải tại nguồn, 80% khu vực công cộng có thùng gom rác, thu gom 90% chất thải rắn.
- 85% dân số Nông thôn được sử dụng nước sạch
- Đưa chất lượng nước các lưu vực sông đạt mức tiêu chuẩn chất lượng nước dùng cho Nông nghiệp và nuôi trồng Thủy sản.
- Nâng tỷ lệ Đất có Rừng che phủ đạt 43% tổng diện tích đất tự nhiên, khôi phục 50% Rừng đầu nguồn.
- Đẩy mạnh xã hội hoá công tác BVMT

Các chương trình, Dự án cụ thể:

- Dự án Trồng mới 5 triệu ha Rừng (1)
- Chương trình phục hồi Rừng đầu nguồn bị suy thoái nghiêm trọng (4)
- Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và vệ sinh Môi trường Nông thôn (5)
- Chương trình Toàn Dân tham gia BVMT (21)
- Chương trình xã hội hoá công tác BVMT (27)
- Chương trình xây dựng và phổ biến nhân rộng các Mô hình Làng kinh tế sinh thái (33)